

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings
V60ME

RANK	CURRENT AS OF NAME	YOB	DIVISION	12/9/2019 ROLLING TOTAL	V60 - DEC PLACE	2019 POINTS	V60 - APR PLACE	2019 POINTS	V60- NTLS PLACE	2019 POINTS	V60 - WORLDS PLACE	2019 POINTS
1	Dragonetti, Walter	1957	Northern Ohio	768	2	368	2	368	1	400	9	0
2	Ameli, Sean	1960	Nevada	680	1	400	np	0	np	0	np	0
3	Henzler, Thomas A	1953	Gulf Coast	616	14	204	3	340	7	276	20	0
4	Downey, Gerard C	1956	Northern CA	570	15	202	16	200	2	368	np	0
5	Segal, Mark	1959	San Bernardino	556	7	276	np	0	5	280	np	0
6	Richards, Dick	1956	Capitol	554	5	280	11	210	8	274	np	0
7	Szokolay, Robert E	1955	Tennessee	552	10	212	np	0	3	340	np	0
8	Moreau, John A	1951	South TX	542	3	340	18	138	15	202	np	0
9	Alexander, Charles	1954	San Diego	494	9	214	5	280	9	214	24	0
10	Schneider, Charles J	1952	Michigan	484	13	206	6	278	17	140	np	0
11	Karolak, Dale W	1959	Michigan	480	19	136	17	140	3	340	np	0
12	Mase, James B	1957	Central CA	416	28	118	14	204	10	212	np	0
13	Wheeler, Mark	1955	Central California	412	8	274	27	120	18	138	np	0
14	Taylor, Daryl J	1952	Southern California	400	np	0	1	400	np	0	40	0
15	Mariani, Lou	1955	Central California	398	26	122	7	276	31	112	np	0
16T	Scott, George R	1958	New England	348	18	138	28	118	11	210	np	0
16T	Wallace, Patric	1960	New Jersey	348	17	140	np	0	np	0	np	0
18	Ranes, Evan	1958	Nevada	340	3	340	np	0	np	0	np	0
19T	Newsome, James L	1952	Virginia	338	np	0	9	214	25	124	np	0
19T	Gelnaw, William	1954	Orange Coast, CA	338	32	110	22	130	12	208	np	0
21	Evans, Allen L	1959	Virginia	336	22	130	np	0	13	206	np	0
22	King, Charles M	1953	Arizona	334	23	128	13	206	34	69	np	0
23	Simmons, Matthew C	1955	Gold Coast	332	25	124	23	128	14	204	np	0
24	Neale, James H	1956	West-Rock	283	34	69	9	214	np	0	np	0
25T	Cravey, Donald N	1955	Colorado	278	np	0	np	0	6	278	np	0
25T	Varney, John	1960	Western Washington	278	6	278	np	0	np	0	np	0
27	Fangman, Daniel	1960	Indiana	276	11	210	np	0	np	0	np	0
28	Darricau, Henri J	1955	Colorado	274	np	0	8	274	np	0	np	0
29	Beihold, James K	1957	Southern California	273	38	65	12	208	np	0	np	0
30	Altman, Jeff H	1958	Northern CA	268	21	132	19	136	np	0	np	0
31	Rouse, Joseph T	1952	Connecticut	267	43	60	36	67	16	200	np	0
32	Weingarten, Solomon	1951	Northern California	254	27	120	20	134	np	0	np	0
33	McTigue, Michael	1957	New Jersey	243	35	68	26	122	26.5	121	np	0
34	Klein, Johannes	1955	Western Washington	242	46	57	31	112	22	130	np	0
35	Ress, Michael	1953	Southwest Ohio	238	37	66	32	110	23	128	np	0
36	Glass, Timothy C	1955	Illinois	208	12	208	np	0	np	0	np	0
37	Smith, Herman E	1956	N. Carolina	200	16	200	np	0	np	0	np	0
38	Snyder, John W	1958	Maryland	198	41	62	41	62	19	136	np	0
39	Wilson, Victor	1957	Oklahoma	197	np	0	40	63	20	134	np	0
40	Tierney, Luke J	1954	Iowa	193	42	61	np	0	21	132	np	0
41T	Milligan, Bruce C	1951	Maryland	188	36	67	np	0	26.5	121	np	0
41T	Bruce II, Ommer E	1956	Central CA	188	44	59	33	70	28	118	np	0
43	Wagman Robert	1959	Gateway FL	180	33	70	np	0	32	110	np	0
44	Logan, Mark P	1952	Virginia	178	51	52	np	0	24	126	np	0
45	Gross, Louis	1958	Colorado	173	np	0	29	116	46	57	np	0
46T	Bothelio, Jere P	1951	Central California	134	20	134	np	0	np	0	np	0
46T	Sims, Wallace	1952	Oregon	134	np	0	36	67	36	67	np	0
48	Lutton, Thomas W	1953	Central CA	132	np	0	21	132	np	0	np	0
49	Herman, Ronald J	1952	Iowa	127	45	58	34	69	np	0	np	0
50	Baer, Bryan G	1960	Colorado	126	24	126	np	0	np	0	np	0
51	Watson, Donald W	1955	Colorado	124	np	0	25	124	np	0	np	0
52	Myers, Brent M	1957	Central FL	119	49	54	38	65	np	0	np	0
53	Tkach, Robert W	1954	New Jersey	118	40	63	np	0	48	55	np	0
54T	Anderson, Michael	1955	Columbus	116	np	0	np	0	29	116	np	0
54T	Lima, Roberto M	1958	Utah-S.Idaho	116	29	116	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings
V60ME

RANK	CURRENT AS OF NAME	YOB	DIVISION	12/9/2019 ROLLING TOTAL	V60 - DEC PLACE	2019 POINTS	V60 - APR PLACE	2019 POINTS	V60- NTLs PLACE	2019 POINTS	V60 - WORLDS PLACE	2019 POINTS
56	Kluczynski, Mike k	1958	Nebr-S.Dak	115	53	50	39	64	52	51	np	0
57T	Swann, William A	1957	Western WA	114	np	0	np	0	30	114	np	0
57T	Hendricks, Ron	1958	Utah-S.Idaho	114	30	114	np	0	np	0	np	0
59T	Gravis, Martin V	1952	Utah-S.Idaho	113	50	53	43	60	51	52	np	0
59T	Abele, Chris	1960	New England	113	39	64	np	0	np	0	np	0
61	Chambers, Thomas J	1955	Philadelphia	112	31	112	np	0	np	0	np	0
62	Mcdarby, Michael	1953	Hudson-Berkshire	70	np	0	np	0	33	70	np	0
63T	Schreiber, Gyula S	1952	Hawaii	68	np	0	np	0	35	68	np	0
63T	Krick, Jon	1955	South Texas	68	np	0	35	68	np	0	np	0
65	Shifer, Alexander	1953	Metropolitan NYC	66	np	0	np	0	37	66	np	0
66	Rosenthal, Paul E	1955	Metro NYC	65	np	0	np	0	38	65	np	0
67	Mones Robert (Bob)	1957	S. Carolina	64	np	0	np	0	39	64	np	0
68	Landis, Geoffrey A	1955	Northern OH	63	np	0	np	0	40	63	np	0
69T	Hunker, Frederick	1955	Columbus	62	np	0	np	0	41	62	np	0
69T	Mahmoud, Hossam	1960	North Texas	62	np	0	np	0	np	0	np	0
71T	Pompian, Mark	1953	New England	61	np	0	42	61	np	0	np	0
71T	Chelnitsky, Yuriy	1959	Metropolitan NYC	61	np	0	np	0	42	61	np	0
73	Badioli Carlo	1952	Gold Coast	60	np	0	np	0	43	60	np	0
74	Harber Mike	1958	Tennessee	59	np	0	np	0	44	59	np	0
75T	Schulz, Andrew	1952	CAN	56	47	56	np	0	np	0	np	0
75T	Stone, Ken	1956	Minnesota	56	np	0	np	0	47	56	np	0
77	Hviding, Ketil	1956	NOR	55	48	55	np	0	np	0	np	0
78	Corinaldi Greg	1956	Virginia	54	np	0	np	0	49	54	np	0
79	Houst Michael	1959	Northeast	53	np	0	np	0	50	53	np	0
80	Malleck, Robert H	1960	Metro NYC	52	np	0	np	0	np	0	np	0
81	White, Chance Nmn	1951	Utah-S.Idaho	51	52	51	np	0	np	0	np	0
82	Frank, William	1953	Southwest Ohio	50	np	0	np	0	53	50	np	0
83	McBride, Steve	1960	Michigan	48	np	0	np	0	np	0	np	0

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings
V60ME

CURRENT AS OF 12/9/2019	V50 - APR PLACE	2019 POINTS	V50- NTL5 PLACE	2019 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2019 POINTS
Dragonetti, Walter	np	0	np	0	np	0
Ameli, Sean	5	280	np	0	np	0
Henzler, Thomas A	np	0	np	0	np	0
Downey, Gerard C	np	0	np	0	np	0
Segal, Mark	np	0	np	0	np	0
Richards, Dick	np	0	np	0	np	0
Szokolay, Robert E	np	0	np	0	np	0
Moreau, John A	np	0	np	0	np	0
Alexander, Charles	np	0	np	0	np	0
Schneider, Charles J	np	0	np	0	np	0
Karolak, Dale W	np	0	np	0	np	0
Mase, James B	np	0	np	0	np	0
Wheeler, Mark	np	0	np	0	np	0
Taylor, Daryl J	np	0	np	0	np	0
Mariani, Lou	np	0	np	0	np	0
Scott, George R	np	0	np	0	np	0
Wallace, Patric	12	208	35	68	np	0
Ranes, Evan	np	0	np	0	np	0
Newsome, James L	np	0	np	0	np	0
Gelnaw, William	np	0	np	0	np	0
Evans, Allen L	np	0	np	0	np	0
King, Charles M	np	0	np	0	np	0
Simmons, Matthew C	np	0	np	0	np	0
Neale, James H	np	0	np	0	np	0
Cravey, Donald N	np	0	np	0	np	0
Varney, John	np	0	np	0	np	0
Fangman, Daniel	37	66	62	41	np	0
Darricau, Henri J	np	0	np	0	np	0
Beihold, James K	np	0	np	0	np	0
Altman, Jeff H	np	0	np	0	np	0
Rouse, Joseph T	np	0	np	0	np	0
Weingarten, Solomon	np	0	np	0	np	0
McTigue, Michael	np	0	np	0	np	0
Klein, Johannes	np	0	np	0	np	0
Ress, Michael	np	0	np	0	np	0
Glass, Timothy C	np	0	np	0	np	0
Smith, Herman E	np	0	np	0	np	0
Snyder, John W	np	0	np	0	np	0
Wilson, Victor	np	0	np	0	np	0
Tiemey, Luke J	np	0	np	0	np	0
Milligan, Bruce C	np	0	np	0	np	0
Bruce II, Ommer E	np	0	np	0	np	0
Wagman Robert	np	0	np	0	np	0
Logan, Mark P	np	0	np	0	np	0
Gross, Louis	np	0	np	0	np	0
Bothelio, Jere P	np	0	np	0	np	0
Sims, Wallace	np	0	np	0	np	0
Lutton, Thomas W	np	0	np	0	np	0
Herman, Ronald J	np	0	np	0	np	0
Baer, Bryan G	np	0	np	0	np	0
Watson, Donald W	np	0	np	0	np	0
Myers, Brent M	np	0	np	0	np	0
Tkach, Robert W	np	0	np	0	np	0
Anderson, Michael	np	0	np	0	np	0
Lima, Roberto M	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings
V60ME

CURRENT AS OF 12/9/2019	V50 - APR PLACE	2019 POINTS	V50- NTL5 PLACE	2019 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2019 POINTS
Kluczynski, Mike k	np	0	np	0	np	0
Swann, William A	np	0	np	0	np	0
Hendricks, Ron	np	0	np	0	np	0
Gravis, Martin V	np	0	np	0	np	0
Abele, Chris	54	49	np	0	np	0
Chambers, Thomas J	np	0	np	0	np	0
Mcdarby, Michael	np	0	np	0	np	0
Schreiber, Gyula S	np	0	np	0	np	0
Krick, Jon	np	0	np	0	np	0
Shifer, Alexander	np	0	np	0	np	0
Rosenthal, Paul E	np	0	np	0	np	0
Mones Robert (Bob)	np	0	np	0	np	0
Landis, Geoffrey A	np	0	np	0	np	0
Hunker, Frederick	np	0	np	0	np	0
Mahmoud, Hossam	np	0	41	62	np	0
Pompian, Mark	np	0	np	0	np	0
Chelnitsky, Yuriy	np	0	np	0	np	0
Badioli Carlo	np	0	np	0	np	0
Harber Mike	np	0	np	0	np	0
<i>Schulz, Andrew</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Stone, Ken	np	0	np	0	np	0
<i>Hviding, Ketil</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Corinaldi Greg	np	0	np	0	np	0
Houst Michael	np	0	np	0	np	0
Malleck, Robert H	np	0	51	52	np	0
White, Chance Nmn	np	0	np	0	np	0
Frank, William	np	0	np	0	np	0
McBride, Steve	np	0	55	48	np	0